TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/DS-ST
Ngày: 22/4/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Tám;

2. Ông Nguyễn Đức Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 591/2020/TLDS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Hải H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 6/28D Lê Thị Điệp, ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 112, Tổ 3, ấp 3A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trương Thị D, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 6/28D Lê Thị Điệp, ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 112, Tổ 3, ấp 3A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2020 và tại phiên tòa ngày 22 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn ông Đặng Hải H trình bày sự việc như sau:

Ông có cho ông Lê Văn T mượn 03 lần tiền tổng cộng là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), cụ thể ngày 21/4/2020 ông T mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ngày 21/5/2020 ông T mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và ngày 26/5/2020 ông T mượn thêm 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), mượn không lãi suất, không thế chấp tài sản gì.

Nay ông yêu cầu cá nhân ông T trả cho ông 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác. Vợ của ông và ông T không liên quan gì đến việc vay mượn này. Khi mượn tiền không có vợ ông T. Tiền cho ông T mượn là tiền của cá nhân ông, không liên quan vợ ông.

* Tại bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2021 và tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 3 năm 2022, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông đồng ý trả cho ông H số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Ông mượn tiền lãi suất 10%/tháng. Ông có trả tiền lãi được 02 lần, không nhớ số tiền cụ thể. Khi ông mượn tiền, vợ ông không biết và cũng không liên quan. Ông mượn tiền để tiêu xài cá nhân.

Vợ ông nhận được các giấy triệu tập và Thông báo phiên họp của Tòa án nhưng vợ ông không đến Tòa án vì vợ ông không liên quan gì việc mượn tiền này.

* Tại bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D trình bày:

Bà xác định số tiền mà cH bà là ông Đặng Hải H cho ông T mượn là tài sản riêng của cH bà, không liên quan gì đến bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của ông Đặng Hải H có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều

26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Văn T có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D nhưng bà D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị E, căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà E.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Hải H về việc yêu cầu ông Lê Văn T phải trả cho ông H số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Tại giấy mượn tiền ngày 21/4/2020 có thể hiện nội dung ông T có mượn của ông H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 1 tháng; ngày 21/5/2020 ông T mượn tiếp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và ngày 26/5/2020 mượn thêm 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông H số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nhưng ông H không đồng ý. Như vậy việc ông H yêu cầu ông T trả số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Xét thấy vợ ông H là bà Trương Thị D xác nhận tiền mà ông H cho ông T mượn là tài sản riêng của ông H; ông H cũng xác nhận ông chỉ cho cá nhân ông T vay tiền, không liên quan vợ ông T là bà Em và ông H cũng không yêu cầu bà E trả tiền nên Hội đồng xét xử buộc ông T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ như vừa nêu ở trên cho ông H là phù hợp.

Xét thấy việc vay tiền diễn ra từ năm 2020, ông T xin trả dần 5.000.000đ/tháng nhưng ông H không đồng ý và yêu cầu một lần trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu này là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét việc ông T cho rằng có trả tiền lãi cho ông H 10%/tháng, trả được 02 lần nhưng không nhớ số tiền cụ thể. Tại phiên tòa, ông H không thừa nhận có nhận tiền lãi từ ông T, mặt khác phía ông T cũng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh việc ông H có nhận tiền lãi từ ông T, do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T.

[2.3] Tại phiên tòa ông H tự nguyện trả lại cho ông T bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông T, số chứng minh nhân dân 021766275 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T ngày 16/4/2015, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông H không phải nộp án phí; ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Hải H.

Buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Hải H số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Công nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hải H về việc trả lại cho ông Lê Văn T bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông T, số chứng minh nhân dân 021766275 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T ngày 16/4/2015, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí:

Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông H theo biên lai thu tiền số 0085160 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương